

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/DS-ST

Ngày: 07/9/2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Tùng Mận

2. Ông Hoàng Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Đường H, Quận B, TP. Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phú D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh Đ - Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Theo Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016).

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ Mạnh C – Chức vụ: Phó Giám đốc – Ngân hàng A – Phòng giao dịch M (*Giấy ủy quyền số 0045/GUQ-BIDV.DL ngày 01/02/2018*) – Có mặt.

Địa chỉ: Đường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Trương Hồng P – Sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo bản tự khai và tại phiên tòa – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Mạnh C trình bày:***

Ông Trương Hồng P có vay vốn tại Ngân hàng A dưới hình thức thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), ngày đăng ký và phát hành thẻ là ngày 31/07/2013 và cấp lại vào ngày 13/4/2015.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Trương Hồng P nhiều lần thực hiện các giao dịch thanh toán, rút tiền mặt. Tính đến ngày 30/11/2017 ông Trương Hồng P đã sử dụng số tiền (nợ gốc) 31.674.525 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi tư ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Trong quá trình đăng ký phát hành và sử dụng thẻ, ông Trương Hồng P đăng ký nhận các thông báo từ Ngân hàng A qua địa chỉ email: X@gmail.com. Sau thời điểm phát sinh khoản nợ 31.674.525 đồng. Ngân hàng A đã nhiều lần thông báo cho ông Trương Hồng P thông qua email và điện thoại yêu cầu ông P thanh toán nợ theo quy định nhưng ông P không thực hiện việc thanh toán dẫn đến phát sinh tiền lãi tạm tính đến ngày 30/11/2017 là 9.276.863 đồng và phí phạt tạm tính đến ngày 30/11/2017 là 40.072.375 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông Trương Hồng P phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 31.674.525 đồng nợ gốc và nợ lãi cộng phí phạt phát sinh tạm tính đến ngày 30/11/2017 là 49.349. 238 đồng. Tổng cộng là 81.023.763 đồng (tám mươi một triệu không trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi ba đồng) cùng toàn bộ lãi suất và phí phạt phát sinh từ ngày 01/12/2017 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất và phí phạt theo thỏa thuận khi cấp thẻ.

**** Theo bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Hồng P trình bày:***

Ông Trương Hồng P thừa nhận có sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng A với hạn mức là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và thừa nhận có thực hiện việc thanh toán, rút tiền mặt từ thẻ. Khoản nợ gốc mà ông P còn nợ của ngân hàng tính đến nay là 31.674.525 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi tư ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Do trước đây ông P có thế chấp tài sản để vay vốn cho Công ty Cổ phần C tại Ngân hàng A – PGD M. Đến khoảng tháng 9/2015 thì ông P thanh toán nợ cho ngân hàng và rút tài sản về. Tại thời điểm ông P thanh toán nợ phía Ngân hàng có thông báo là ông P không còn khoản nợ nào tại ngân hàng nữa.

Khoảng 06 tháng sau thời điểm tháng 9/2015, ông P có nhận được thông báo bằng điện thoại của Ngân hàng A – PGD M là ông P còn một khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng quốc tế.

Nay ông P đồng ý trả cho Ngân hàng A toàn bộ nợ gốc là 31.674.525 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi tư ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng). Và khoản nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 30/11/2017 là 9.276.863 đồng cùng toàn bộ lãi suất phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 01/12/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Phương thức và thời hạn trả nợ là trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Riêng đối với khoản phí phạt mà ngân hàng tạm tính đến ngày 30/11/2017 là 40.072.375 đồng thì ông P không đồng ý và đề nghị phía Ngân hàng xem xét miễn cho ông P bởi hiện nay ông P làm ăn phá sản, lâm vào cảnh khó khăn, không còn khả năng trả nợ.

*** *Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:***

- *Về phần thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng pháp luật.

- *Về thời hạn giải quyết vụ án:* Tòa án thụ lý vụ án ngày 12/4/2018. Ngày 20/8/2018, Tòa án mới ban hành Quyết định xét xử vụ án là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A là có căn cứ. Bởi lẽ, ngày 31/07/2013 ông Trương Hồng P có đăng ký và phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa hạng Vàng với hạn mức là 50.000.000 đồng và cấp lại vào ngày 13/4/2015 tại Ngân hàng A – Chi nhánh Đ phòng giao dịch M. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông P đã không thực hiện việc thanh toán theo thời hạn quy định nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông P trả cho Ngân hàng số tiền 31.674.525 đồng nợ gốc và nợ lãi cộng phí phạt phát sinh tạm tính đến ngày 30/11/2017 là 49.349.238 đồng. Tổng cộng là 81.023.763 đồng (tám mươi một triệu không trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi ba đồng) và cùng toàn bộ lãi suất, phí phạt phát sinh từ ngày 01/12/2017 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất và phí phạt theo thỏa thuận khi cấp thẻ là có căn cứ.

Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét buộc ông Trương Hồng P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 81.023.763 đồng và lãi suất phát sinh tính từ ngày 01/12/2017 cho đến khi trả hết nợ.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A, HĐXX nhận thấy: Ngày 31/7/2013, ông Trương Hồng P có yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa hạng Vàng với hạn mức là 50.000.000 đồng tại Ngân hàng A – Chi nhánh Đ Phòng giao dịch M. Ngày 13/4/2015 ông Trương Hồng P được cấp lại thẻ. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Trương Hồng P đã thực hiện các giao dịch thanh toán, rút tiền mặt.

Ngày 16/5/2016 Ngân hàng A – Chi nhánh Đ đã có thông báo yêu cầu khách hàng trả nợ đến ông Trương Hồng P, tổng số dư nợ cần thanh toán đến ngày 16/5/2016 là 32.673.565 đồng (trong đó nợ gốc là 31.674.525 đồng, nợ lãi là 871.236 đồng, phí là 127.804 đồng). Tuy nhiên ông P không thanh toán. Theo quy định của Ngân hàng A và theo thông lệ quốc tế thì trong trường hợp này khách hàng phải chịu lãi suất và phí phạt.

Tính đến ngày 30/11/2017, ông P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 81.023.763 đồng (tám mươi một triệu không trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi ba đồng). Trong đó: số tiền nợ gốc là 31.674.525 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi tư ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng); số tiền lãi phát sinh là 9.276.863 đồng và phí phạt tạm tính đến ngày 30/11/2017 là 40.072.375 đồng và toàn bộ các khoản lãi, phí phát sinh cho đến khi ông P thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ phát sinh theo thẻ tín dụng quốc tế nêu trên. Tuy nhiên ông Trương Hồng P đã không thực hiện việc thanh toán đúng thời hạn quy định, điều đó đã làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của Ngân hàng A, do vậy việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Hồng P có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A là có căn cứ.

Tại phiên tòa, ông Trương Hồng P đề nghị Ngân hàng cho ông được trả dần khoản nợ gốc và lãi suất phát sinh và đề nghị Ngân hàng miễn cho ông phần phí phạt. Tuy nhiên đề nghị này của ông P không được phía nguyên đơn đồng ý.

Do vậy xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trương Hồng P phải trả cho Ngân hàng A tổng số nợ tạm tính đến ngày 30/11/2017 là 81.023.763 đồng (trong đó: 31.674.525 đồng tiền gốc; 49.349.238 đồng tiền lãi, phí phạt) và lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký giữa Ngân hàng và ông P kể từ ngày 01/12/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trương Hồng P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là:

81.023.763 đồng x 5% = 4.051.188 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng A tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Áp dụng khoản 1 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Trương Hồng P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 81.023.763 đồng (tám mươi một triệu không trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi ba đồng). Trong đó: 31.674.525 đồng tiền gốc; 49.349.238 đồng tiền lãi, phí phạt tạm

tính đến ngày 30/11/2017 và ông P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 01/12/2017 đối với khoản nợ gốc cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng A.

Về án phí: Bị đơn ông Trương Hồng P phải chịu 4.051.188 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 2.025.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng A đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003522 ngày 09/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang